Y lấy một giọng nghiêm trang làm tôi ngạc nhiên.

- Cậu biết là từ khi mình bị tai nạn, là cứ thế xuống dốc….

Tai nạn nào? Tôi không dám hỏi/

- Khi mình theo các cậu- câu, Denise, Freddie và Gay- đến Megève đã không còn ”mạnh” gì lắm… Mình đã mất chân huấn luyện… Bọn họ co vòi vì nghĩ mình là người Anh… Họ chỉ muốn người Pháp thôi.

Người Anh? Phải, y nói với một giọng lơ lớ mà từ nãy đến giờ tôi không mấy để ý. Tim tôi đập rộn hơn khi y thốt ra cái tên Megève.

- Cái chuyến đi Megève ấy thật là một ý kỳ cục, phải không? Tôi hỏi liều.

- Tại sao lại kỳ cục? Lúc ấy, chúng ta không thể làm khác…

- Cậu cho là thế?

- Đó là một nơi an toàn… Paris trở nên quá nguy hiểm…

- Cậu thật tình tin là thế?

- Sau rốt, Pedro, cậu hãy nhớ lại… Những cuộc kiểm soát ngày càng thường xuyên hơn… Mình thì là người Anh… Freddie có một tấm hộ chiếu của Anh…

- Của Anh?

- Phải…. Gia đình Freddie gốc gác ở đảo Maurice… Còn cậu thì tình cảnh cũng không sáng sủa gì hơn… Và những tấm hộ chiếu nói là của Đôminích không còn có thể thực sự che chở cho chúng ta được nữa… Cậu hãy nhớ lại… Bản thân anh bạn Rubirosa của cậu.

Tôi không nghe thấy phần còn lại của câu nói. Tôi cho rằng y bị tắc giọng.

Y uống một ngụm rượu ngọt và lúc đó có bốn người bước vào, những khách quen, tất cả đều là cựu jô-kê. Tôi nhận ra họ, tôi vẫn thường hay nghe họ trò chuyện. Một người trong bọn họ bao giờ cũng mặc một chiếc quần cưỡi ngựa cũ và một chiếc áo vét da hoẵng vấy bẩn ở nhiều chỗ. Họ vỗ vai Widmer. Họ nói cùng một lúc, họ cười phá, nên rất ồn. Wildmer không giới thiệu họ với tôi…

Họ ngồi lên những ghế đẩu ở bar và tiếp tục nói rất to.

- Pedro…

Widder cúi về phái tôi. Mặt y chỉ cách mặt tôi mấy xăngtimét. Y nhăn mặt như thể sắp phải làm một cố gắng siêu phàm để thốt ra vài tiếng.

- Pedro.. điều gì đã xảy ra khi hai cô cậu định vượt qua biên giới…

- Mình không biết nữa

Y nhìn tôi trừng trừng. Chắc y hơi say.

- Pedro.. Trước khi các cậu đi, mình đã bảo cậu phải coi chừng cái tên ấy…

- Tên nào?

- Cái tên muốn đưa cái cậu sang Thụy Sĩ ấy… Tên người Nga có bộ mặt đĩ đực ấy.

Mặt y đỏ gay. Y muốn một ngụm rượu ngọt.

- Cậu nhớ lại xem… Mình đã bảo cậu, cả cái gã kia nữa, cậu cũng không nên nghe… Cái gã huấn luyện trượt tuyết ấy…

- Gã huấn luyện trượt tuyết nào?

- Cái gã có nhiệm vụ đưa hai cô cậu qua biên giới ấy mà… Cậu lạ gì… Cái gã Bob gì gì đó… Bob Besson… Tại sao cậu và Denise lại bỏ đi? Các cậu ở với bọn mình trong căn nhà gỗ ấy cũng ổn chán rồi còn gì…

- Tên gã là Bob Besson?

- Phải, Bob Besson…

- Còn gã người Nga?

Y cau mày.

- Mình không còn nhớ nữa.

Lực chú ý của y chùng lại. Y đã phải cố gắng dữ dội để nói với tôi về chuyện quá khứ, nhưng đến giờ là hết gân rồi. Như người bơi kiệt lực gắng nhô đầu lên khỏi mặt nước một lần cuối rồi tự buông mình chìm xuống từ từ. Nói cho cùng, tôi đã chẳng giúp y được mấy trong sự gợi nhớ lại này.

Y đứng dậy và trở lại với những người kia. Y quay về với những thói quen của mình. Tôi như thấy y hăng hái phát biểu ý kiến về một cuộc đua ngựa diễn ra lúc ban chiều ở Vincennes. Gã mặc quần cưỡi ngựa mời một chầu rượu. Wildmer đã lấy lại được giọng, y nói hăng say đến nỗi quên cả châm thuốc. Điếu thuốc lủng lẳng ở khóe môi y. Giá tôi có đứng trước mặt y, hẳn y cũng không nhận ra tôi.

Khi ra khỏi tiệm, tôi nói tạm biệt y và khoa tay ra hiệu, nhưng y lờ tôi đi. Y đang đắm mình hoàn toàn trong đề tài của y.

XXXIV

Vichy. Một chiếc xe hơi Mĩ dừng lại bên rìa công viên Suối Nguồn, ngang tầm khách sạn Hòa Bình. Thùng xe lem luốc bùn. Hai người đàn ông và một người đàn bà bước xuống và đi về phía cửa khách sạn. Hai gã đàn ông râu ria lởm chởm và một trong hai gã cao hơn – khoác tay đỡ người thiếu phụ. Trước khách sạn, một dãy ghế bành mây, trên đó có những người ngủ, đầu ngật ngoẹo, dường như bất chấp cái nắng tháng bảy gay gắt.

Trong tiền sảnh, cả ba phải vất vả mới rẽ được lối đi đến quầy tiếp tân. Họ phải tránh những chiếc ghế bành va thậm chí cả những tấm phản với những người khác nằm ườn ra ngủ, trong đó có một số vận quân phục. Nhiều nhóm xúm xít năm, mười người chen chúc nhau, í ới gọi nhau và tiếng trò chuyện ồn ào của họ còn ngột ngạt hơn cả cái nóng xâm xấp bên ngoài. Cuối cùng, họ tới được quầy tiếp tân và gã cao hơn trong hai người đàn ông đưa cho người thường trực ba tấm hộ chiếu của họ. Hai tấm do công sứ quán Cộng hòa Đôminích tại Paris cấp – một mang tên “Porfirio Rubirosa”, tấm kia mang tên “Pedro McEvoy” – còn tấm thứ ba là hộ chiếu Pháp mang tên “Denise, Yvette, Coudreuse”.

Người thường trực, mặt đầm đìa mồ hôi chảy xuống tận dưới cằm, trả lại họ ba tấm hộ chiếu bằng một cử chỉ mệt nhọc. Không, trong cả Vichy, chẳng còn lấy một phòng khách sạn nào rỗi, do hoàn cảnh”… Cùng lắm là còn hai chiếc ghế bành có thể mang lên một phòng giặt hoặc để trong một buồng “toalét” ở dưới nhà… Tiếng của y bị át bởi tiếng lao xao trò chuyện quyện lẫn vào nhau khắp bốn chung quanh, bởi những tiếng lách cách kim khí của cánh cửa thang máy, tiếng chuông điện thoại réo cùng những lời nhắn gọi từ một cái loa phóng thanh gắn bên trên quầy tiếp tân.

Hai người đàn ông và người đàn bà ra khỏi khách sạn, dáng đi hơi chuyệch choạng. Bầu trời bỗng nhiên phủ đầy mây xám tím. Họ đi ngang qua công viên Suối nguồn. Dọc những bãi cỏ, dưới những hành lang có mái che, làm nghẽn những lối đi lát đá, có những nhóm người còn xum xít hơn ở trong tiền sảnh khách sạn. Tất cả đều nói với nhau rất to, một số qua lại như con thoi từ nhóm này sang nhóm khác, một số tách biệt ra hai, ba người trên một ghế băng hoặc trên những ghế sắt của công viên, trước khi nhập lại với những người khác… tưởng đâu đang ở trong một sân trường khổng lồ có mái che và người ta sốt ruột chờ hồi chuông sẽ chấm dứt sự náo động này cùng tiếng xôn xao cứ mỗi phút một tăng cường độ, làm ta nhức óc. Nhưng hồi chuông không đến.

Gã cao lớn tóc nâu vẫn khoác tay đỡ người thiếu phụ, còn gã kia cởi áo vét. Họ bước đi trong sự xô đẩy của những người chạy nháo nhào khắp nhả kiếm tìm một người nào đó hoặc một nhóm mà họ vừa rời khỏi một lúc là tan rã liền, để các thành viên bị hút luôn vào những nhóm khác.

Ba người đâm ra trước tiệm cà phê Phục Hưng. Ngoại hiên đông nghịt, nhưng may sao, có năm người rời khỏi một bàn, thế là hai gã đàn ông và người thiếu phụ bèn buông mình xuống những chiếc ghế mây. Hơi bần thần, họ nhìn về phía nhà cazinô.

Một mạng hơi nước xâm chiếm khắp công viên, vòm lá giữ nó lại và làm nó ngưng đọng, một mạng hơi nước như trong nhà tắm Thổ Nhĩ Kì. Nó tràn đầy cổ họng mọi người, cuối cùng nó làm mờ những tốp đứng trước cửa nhà cazinô, nó bóp nghẹt tiếng trò chuyện của họ. Ở bàn bên cạnh, một bà òa lên nức nở và nhắc đi nhắc lại rằng biên giới bị khóa ở Hendaye.

Đầu người thiếu phụ ngả lên vai gã cao lớn tóc nâu. Nàng nhắm mắt lại. Nàng ngủ một giấc ngủ con nít. Hai người đàn ông mỉm cười với nhau. Rồi họ lại nhìn những tốp trước cửa nhà cazinô.

Trận mưa rào đổ xuống. Một cơn mưa gió mùa. Nó xuyên những vòm lá rất dày của những cây tiêu huyền và hạt dẻ. Đằng kia, mọi người xô đẩy nhau để trú dưới những mái kính của nhà cazinô, trong khi những người khác hối hả rời ngoại hiên vào bên trong tiệm cà phê, giẫm cả lên chân nhau.

Chỉ có hai người đàn ông và thiếu phụ là không động đậy vì cây dù ở bàn họ che mưa cho họ, thiếu phụ vẫn ngủ, áp má lên vai gã cao lớn tóc nâu đang đưa mắt ngơ ngơ nhìn phía trước trong khi gã bạn lơ đãng huýt sáo điệu Tu me acostumbrase[15].

XXXV

Từ cửa sổ, người ta nhìn thấy bãi cỏ rộng với một lối đi rải sỏi bên rìa. Lối đi này dốc thoai thoải lên ngôi nhà tôi đang hiện diện, ngồi nhà khiến tôi nghĩ đến một trong những khách sạn trắng bên bờ Địa Trung Hải. Nhưng khi leo lên những bậc thềm, mắt tôi bắt gặp dòng này trên chữ bạc trang hoàng cửa ra vào: “Trường Trung học Luiza và Albany”.

Dưới kia, đầu bãi cỏ, một sân quần vợt. Bên phải, một rặng bạch dương và một bể bơi đã tháo hết nước. Cầu nhảy đã gần gãy sập.

Ông trở lại bên tôi ở khung cửa sổ.

- À phải… Tôi lấy làm tiếc, thưa ông… Tất cả tư liệu lưu trữ của trường đã cháy hết… Cháy sạch không còn tí gì…

Một người trạc tuổi sáu mươi đeo kính gọng đồi mồi sáng và mặc một áo vét vải tuýt.

- Và dù sao đi nữa, bà Jeanschmidt cũng không cho phép… Bà không muốn nghe nhắc đến những gì còn dính dáng đến trường Luzia từ khi chồng bà mất…

- Thế không còn sót lại những tấm ảnh cũ nào chụp cảnh lớp học? tôi hỏi.

- Không, thưa ông. Tôi xin nhắc lại để ông rõ tất cả đã cháy hết…

- Bác làm việc ở đây có lâu không?

- Hai năm cuối của trường trung học Luzia. Sau đó, hiệu trưởng của chúng tôi, ông Jeanschmidt… Nhưng trường không còn như xưa…

Ông nhìn qua cửa sổ, vẻ tư lự.

- Với tư cách là học sinh cũ của trường tôi những muốn thấy lại một vài kỷ niệm, tôi nói với ông.

- Tôi hiểu. Khốn thay…

- Và rồi đây trường sẽ ra sao?

- Ồ, họ muốn bán đấu giá tất.

Và bằng một cử chỉ uể oải, ông quét cánh tay bao quát cả bãi cỏ, sân quần vợt và bể bơi trước mặt chúng tôi.

Ông có muốn xem lại các phòng ngủ tập thể và các lớp học một lần cuối không?

- Không cần.

Ông rút một chiếc tẩu từ trong túi áo vét và đưa lên miệng ngậm. Ông không rời khung cửa sổ - Cái nhà gỗ ở bên trái này là nhà gì vậy?

- Những phòng gửi quần áo ngoài, thưa ông. Đây là chỗ thay quần áo để chơi thể thao.

- À, thế đấy.

Ông nhồi tẩu.

- Tôi đã quên tiệt cả… Hồi ấy, học sinh chúng tôi có mặc đồng phục không nhỉ?

- Không, thưa ông. Chỉ có vào bữa ăn chiều và những ngày được phép ra ngoài là bắt buộc phải mặc áo vét màu xanh nước biển.

Tôi lại gân cửa sổ. Gần như áp trán vào ô kính. Bên dưới, trước ngôi nhà trắng có một bãi đất phủ sỏi, cỏ dại đã nhú lên. Tôi hình dung Freddie và tôi mặc áo vét màu. Và tôi cố tưởng tượng ra dáng vẻ của cái ông đến đón chúng tôi vào một ngày được phép ra ngoài, từ trên xe hơi bước xuống, đi về phía chúng tôi – cái ông mà người ta bảo là cha tôi.

XXXVI

Bà E. KahanNice, ngày 22 tháng 11 năm 1965

22 phố Picardie

Nice

Theo yêu cầu của ông Hutte, tôi viết thư này kể cho ông tất cả những gì tôi biết về con người tên là “Oleg de Wrédé” mặc dầu tôi rất khó chịu phải nhắc đến cái kỷ niệm xấu ấy.

Một hôm tôi vào một hiệu ăn Nga ở phía Francois I, của một ông chủ người Nga mà tôi không còn nhớ tên. Hiệu ăn nhỏ, khách không đông lắm. Chủ tiệm, một người hom hem trước tuổi, vẻ khổ sở và đau yếu, ngồi ở bàn bày món khai vị Nga có tên là zakouski – chuyện này xảy ra vào quãng những năm 1937.

Tôi thấy có một thanh niên khoảng hai mươi tuổi ngồi trong hiệu ăn đàng hoàng như ở nhà mình. Ăn mặc rất chững chạc: com-lê, sơ-mi v.v.. không chê vào đâu được.

Anh ta có một vẻ bề ngoài đập vào mắt mọi người: sức sống mãnh liệt, cặp mắt xếch màu xanh sứ, một nụ cười rạng rỡ và một tiếng cười liên tục. Đằng sau những cái đó, một sự giảo quyệt thú vật.

Anh ta ngồi bàn cạnh tôi. Lần thứ hai tôi đến đây, anh ta chỉ người chủ hiệu, nói với tôi:

- Bà tưởng tôi là con trai ông kia hẳn? với một vẻ khinh thị đối với ông già tội nghiệp đích thị là cha anh ta thật.

Rồi anh ta đưa cho tôi xem một cái vòng nhận dạng có khắc tên: Louis de Wredé, bá tước Montpensier (trong hiệu ăn, người ta gọi anh ta là Oleg, một cái tên Nga). Tôi hỏi mẹ anh ta ở đâu. Anh ta bảo bà ấy chết rồi; tôi lại hỏi: bà ấy đã có thể gặp một người thuộc dòng họ Montpensier (chi dưới của dòng Orléasn) ở đâu. Anh ta đáp: ở Sibérie. Tất cả những điều đó không có lý. Tôi hiểu rằng đó là một gã vô lại kiếm cách để những người cả hai phái nam, nữ bao. Khi tôi hỏi gã làm gì, Grêgôriô Stêvensơn bảo gã chơi pianô.

Sau đó, gã bắt đầu kể lể tất cả những quan hệ của gã trong giới thượng lưu – nào là nữ quận công Uzès đã nhún chân chào gã, nào là gã rất thân với quận ông Windsor… Tô cảm thấy thực, giả lẫn lộn trong những câu chuyện của gã. Những người “thượng lưu” hẳn dễ mắc bả với cái dòng dõi của gã, nụ cười của gã, sự ưu nhã lạnh lùng nhưng có thực của gã.

Trong thời kỳ chiến tranh – tôi nghĩ là vào khoảng năm 41 – 42 gì đó – tôi đang ở bãi tắm Juan-les-Pins thì thấy gã mang tên “Oleg de Wredé” ấy chạy đến, vẫn đàng hoàng và cười khanh khách như bao giờ. Gã bảo tôi là gã bị bắt làm tù binh và một sĩ quan cao cấp Đức trong coi gã. Lúc này, gã ghé thăm bà mẹ chiến sĩ, bà quả phụ Henri Duvermoir, mấy hôm. Nhưng gã nói: “Bà ấy hà tiện thấy mồ, chả cho tôi tí tiền nào”.

Gã bảo với tôi là gã về Paris “để làm việc với người Đức”. Làm gì? Tôi hỏi: “Bán xe hơi cho bọn họ”.

Từ đó tôi không gặp lại gã và không biết giờ gã ra sao. Vậy đó, thưa ông thân mến, tất cả những gì tôi có thể nói với ông về con người ấy.

Kính

E. Kahan

XXXVII

Bây giờ, chỉ cần nhắm mắt lại. Những sự kiện xảy ra trước khi cả bọn chúng tôi đi Megève trở lại trong trí nhớ tôi, từng mẩu một. Chính những cửa sổ lớn sáng đèn của khách sạn Zaharoff cũ ở đại lộ Hoche, những câu nói rời rạc của Wildmer, những cái tên – đỏ tía lấp lánh như Rubirosa hay bảng lảng như Oleg de Wredé cùng nhiều chi tiết không sờ mó thấy được – bản thân cái giọng của Wildmer, khàn khàn và gần như không nghe rõ được – chính tất cả những cái đó đã làm kim chỉ nam cho tôi.

Hôm qua, vào quãng cuối chiều, tôi thấy mình ở đúng đại lộ Hoche, trên tầng một khách sạn Zaharoff cũ. Rất đông người. Như mọi khi, họ không rời áo pa-đơ-xuy. Tôi thì không mặc áo khoác. Tôi đi qua gian phòng chính,ở đấy tôi thấy khoảng mười lăm người đứng quanh những máy điện thoại hoặc ngồi trên những chiếc ghế bành da xử lý công chuyện, và tôi lẻn vào một văn phòng nhỏ, đóng cửa lại sau lưng. Người mà tôi phải gặp đã ở đó. Y kéo tôi vào góc phòng và chúng tôi ngồi vào hai chiếc ghế bành cách nhau bằng một cái bàn thấp. Tôi đặt lên đó những đồng tiền lu-y gói trong giấy báo. Y đưa ngay cho tôi nhiều xấp giấy bạc mà tôi không cất công đếm. Cứ thế cất vào túi. Đồ nữ trang thì y không thiết. Chúng tôi cùng rời khỏi căn phòng rồi gian phòng lớn, nơi tiếng chuyện trò lao xao và sự loay hoay đi đi lại lại của tất cả những con người mặc pa-đơ-xuy này có cái gì thật đáng lo ngại. Ra đến hè, y cho tôi địa chỉ của một bà có thể mua món đồ nữ trang ở mạn quãng trường Malesherbes và gợi ý tôi bảo bà đó là y giới thiệu tôi đến. Chúng tôi thường đi theo con đường này luôn, Denise và tôi, vào hồi đầu. Thời gian đã đổi thay. Tuyết rơi và tôi phải khó khăn mới nhận ra đại lộ này với những cây trụi cành lá, những mặt tiền đen xạm của các chung cư. Không còn hương hoa râm dọc hàng rào sát công viên Monceau nữa, mà chỉ thấy một mùi đất ẩm và mục nát.

Một nhà trệt trong cùng một ngõ cụt thuộc loại người ta gọi là “phương viên” hay “vila”. Gian phòng nơi bà ta tiếp tôi không bày biện đồ đạc. Duy nhất một cái đivăng nơi chúng tôi ngồi và một chiếc máy điện thoại trên đi-văng ấy. Một phụ nữ trạc tuổi bốn mươi, tóc hung và nóng nảy. Chuông điện thoại réo không ngừng và không phải lần nào bà cũng trả lời, bà đều ghi những điều người ta dặn vào một cuốn sổ tay. Tôi đưa cho bà xem những đồ nữ trang. Tôi để lại cho bà viên ngọc xafia và hai chiếc trâm cài với nửa giá tiền với điều kiện là y trả ngay bằng tiền mặt. Bà chấp nhận.

Ra ngoài, trong khi đi về phía ga xe điện ngầm Courcelless, tôi nhĩ đến gã thanh niên đã đến phòng chúng tôi ở khách sạn Castille mấy tháng trước đây. Gã bán được rất nhanh cả chiếc cặp cùng đôi vòng kim cương và đã có nhã ý chia đôi số lãi với tôi. Một con người hảo tâm.Tôi đã tâm sự đôi chút với gã, thổ lộ dự định ra đi của tôi, thậm chí cả nỗi sợ khiến tôi đôi khi không dám ra ngoài. Gã bảo tôi là chúng ta đang sống một thời kỳ lạ lùng.

Sau đó, tôi đến tìm Denise ở công viên Edouard VII, trong căn hộ mà Van Allen, người bạn Hà Lan của nàng, đã đặt một xưởng khâu may: trên lầu một khu chung cư, ngay bên trên tiệm Cintra. Tôi nhớ vậy bởi vì Denise và tôi thường lui tới tiệm bar này do nó có gian dưới tầng hầm từ đó người ta có thể thoát ra bằng một cửa khác ngoài lối vào chính. Tôi tin rằng mình biết tất cả những nơi công cộng, tất cả những khu nhà chung cư ở Paris có hai lối ra.

Trong cái xưởng khâu may nhỏ xíu này, cũng tràn ngập một sự náo động tương tự như ở đại lộ Hoche, có khi lại còn cuống cuồng hơn. Van Allen chuẩn bị bộ sưu tập quần áo mùa hè và chừng nấy cố gắng, chừng nấy lạc quan làm tôi ngạc nhiên vì tôi đang băn khoăn không biết có còn mùa hè nữa hay không. Cậu ta đang thử một chiếc áo dài bằng thứ hàng nhẹ và trắng trên một cô gái tóc nâu, trong khi nhiều cô chiêu mẫu hàng khác ra ra vào vào những buồng thay đồ. Một số người chuyện trò quanh một chiếc bàn giấy Louis XV trên đó vương vãi những kí họa và những mảnh vải. Trong một góc phòng khách, Denise nói chuyện với một bà tóc vàng rơm trạc năm mươi tuổi và một thanh niên tóc nâu xoăn thành búp. Tôi xen vào góp chuyện. Bà này và chàng trai đi về mạn Bờ Biển Xanh. Không ai nghe thấy ai nữa trong cái ồn ào chung. Những ly sâm banh được truyền khắp mà không ai hiểu lý do tại sao.

Denise và tôi rẽ lấy một lối ra đến phòng ngoài. Van Allen tiễn chúng tôi. Tôi thấy lại đôi mắt màu xanh rất sáng của cậu ta cùng nụ cười khi cậu ta ló đầu ra khe mở và vẫy tay hôn gửi theo chúng tôi với lời chúc may mắn.

Denise và tôi qua phố Cambaxérès một lần cuối. Chúng tôi đã gói ghém hành lý, một va-li và hai cái túi da đang đợi trước cái bàn lớn, đầu phòng khách. Denise đã đóng các cánh cửa sổ và kéo các rèm che. Nàng lấy nắp đậy cái máy khâu và cất tấm vải trắng ghim vào thân giá gỗ man-nơ-canh. Tôi nghĩ đến những tối chúng tôi đã sống ở đây. Nàng làm theo mẫu cắt của Van Allen giao hoặc ngồi khâu, còn tôi nằm dài trên trường kỷ, đọc một cuốn hồi kí nào đó hoặc một quyển trinh thám loại sách “Mặt Nạ” mà nàng rất mê. Những buổi tối đó là những khoảnh khắc nghỉ ngơi duy nhất tôi từng biết, những khoảng khắc duy nhất trong đó tôi có thể nuôi các ảo tưởng rằng chúng tôi đang sống một cuộc sống không có chuyện gì rắc rối trong một thế giới yên bình.

Tôi mở va-li và nhét những xấp giấy bạc căng phồng các túi tôi vào giữa những áo săng đay, sơ-mi và dưới đáy một đôi giày. Denise kiểm lại các thứ trong một chiếc túi du lịch xem có quên gì không. Tôi đi theo hành lang đến phòng ngủ. Tôi không bật đèn và đứng rình bên cửa sổ. Tuyết vẫn rơi. Viên cảnh sát đứng canh ở hè bên kia đường chui vào trong một chòi gác được đặt ở đó mấy hôm trước vì mùa đông. Một viên cảnh sát khác, từ phía quãng trường Sausaies bước vôi về phía chòi gác. Gã bắt tay người bạn đồng nghiệp, đưa cho y một cái phích và họ lần lượt uống nước bằng một cái cốc.

Denise bước vào. Nàng đến chỗ tôi bên cửa sổ. Nàng mặc một chiếc áo măngtô lông thú và nép sát người vào tôi. Nàng tỏa một mùi thơm hắc. Dưới chiếc măngtô, nàng mặc một chiếc sơ-mi nữ. Chúng tôi trở lại trên chiếc giường chỉ còn dát lò xo.

Ga Lyon, Gay Orlow và Freddie đợi chúng tôi ở cửa vào ke tàu đi. Trên một chiếc xe rùa bên cạnh họ chồng đống bao nhiêu va-li. Gay Orlow có cả một hòm tủ. Freddie bàn bạc với người phu khuân vác và mời bác ta một điếu thuốc lá. Denise và Gay Orlow nói chuyện với nhau, Denise hỏi Gay liệu căn nhà gỗ Freddie thuê có đủ rộng cho cả bọn tôi không. Ga tối om, trừ sân ke nơi chúng tôi đứng, tràn ngập một ánh sáng vàng. Wildmer đến nhập vào với bọn tôi, trong một chiếc măngtô đỏ hoe, vạt đập đập vào bọng chân, như mọi khi. Một chiếc mũ phớt che lấp trán y. Chúng tôi thuê mang hành lý lên toa giường nằm của mình. Chúng tôi đứng ngoài, trước cửa toa, đợi thông báo khởi hành. Gay Orlow nhận ra một người trong số hành khách đi chuyến tàu này, nhưng Freddie yêu cầu nàng không được nói với ai và đừng để người ta chú ý đến chúng tôi.

Tôi lưu lại một lát với Denise và Gay Orlow trong buồng toa của họ. Màng cửa sổ hạ xuống một nửa và khi cúi xuống, tôi thấy qua cửa kính là tàu đang qua ngoại ô. Tuyết vẫn tiếp tục rơi. Tôi hôn Denise và Gay Orlow rồi quay về buồng toa của mình, nơi Freddie đã yên vị. Lát sau, Wildmer đến thăm chúng tôi. Lúc này, một mình y chiếm lĩnh cả một buồng toa và y hy vọng sẽ không có ai đến chung chạ cho tới cuối cuộc hành trình. Thật ra, y sợ người ta nhận ra y vì nhiều người đã thấy ảnh y trên các báo về thể thao ngựa mấy năm trước đây, và hồi y bị tai nạn trên đường đua Auteuil. Chúng tôi cố trấn an y, nói rằng người ta thường rất chóng quên mặt các jô-kề.

Freddie và tôi nằm dài trên giường toa của mình. Tàu đã tăng tốc độ. Chúng tôi để đèn ngủ và Freddie bồn chồn hút thuốc. Cậu ta hơi lo vì có thể có những cuộc kiểm soát. Tôi cũng vậy, nhưng tôi có giấy. Nhờ Rubirosa, bọn tôi – Freddie, Gay Orlow, Wildmer và tôi – có những hộ chiếu Đôminích, nhưng chúng tôi không thể tin tưởng thực sự vào tính hiệu quả của chúng. Chính bản thân Rubi cũng bảo tôi thế. Số phận chúng tôi tùy thuộc vào một viên cảnh sát hay một kiểm tra viên kĩ tính hơn những người khác. Chỉ riêng Denise là không có nguy cơ gì hết. Nàng là người Pháp chính cống.

Tàu đỗ lại lần đầu. Dijon. Tiếng loa phóng thanh bị tuyết làm nghẹt lại. Chúng tôi nghe thấy có ai đi dọc theo hành lang. Người ta mở cửa một buồng toa của Wildmer, bấy giờ, Freddie và tôi bỗng phá lên cười điên khùng.

Tàu đỗ lại nửa giờ ở Ga Chalon – trên sông Saine, Freddie đã ngủ và tôi tắt ngọn đèn ngủ của buồng toa. Tôi không hiểu tại sao tôi thấy yên tâm hơn trong bóng tối.

Tôi cố nghĩ sang chuyện khác, không lắng tai nghe những bước chân vang lên trong hành lang. Trên sân ga, mấy người trò chuyện và tôi nghe lõm bõm được mấy câu. Chắc họ đứng dưới cửa sổ chúng tôi. Một người trong bọn họ ho, kiểu ho có đờm. một người khác huýt sáo khe khẽ. Tiếng xình xịch của một đoàn tàu đi qua trùm lên bọn họ.

Cửa mở đột ngột và bóng một người mạc pa-đơ-xuy in lên nền ánh sáng của hành lang. Y lia đèn bấm soi từ trên xuống dưới buồng toa để kiểm xem chúng tôi có mấy người. Freddie choàng dậy.

- Giấy tờ các ông.

Chúng tôi chìa cho y xem những tấm hộ chiếu Đôminích của mình. Y xem xét bằng con mắt lơ đãng rồi đưa cho một người nào khác bên cạnh mà chúng tôi không nhìn thấy vì cánh cửa che lấp. Tôi nhắm mắt lại. Họ trao đổi với nhau mấy câu gì nghe không rõ.

Y dấn một bước vào buồng toa. Y cầm những hộ chiếu của chúng tôi trong tay.

- Các ông là nhà ngoại giao?

- Vâng, tôi trả lời như cái máy.

Sau mấy giây, tôi mói nhớ ra rằng Rubirosa đã cho chúng tôi những hộ chiếu ngoại giao.

Chẳng nói chẳng rằng, y trả hộ chiếu cho chúng tôi và đóng cửa lại.

Chúng tôi nín thở trong đêm tối. Cứ im lặng thế cho đến khi tàu khởi hành. Tàu chuyển bánh. Tôi nghe thấy tiếng Freddie cười. Cậu ta bật đèn lên.

- Ta đến thăm các bạn kia chăng? Cậu ta hỏi tôi.

Buồng toa của Denise và Gay Orlow không bị kiểm soát. Chúng tôi đánh thức hai nàng dậy. Họ không hiểu tại sao chúng tôi nháo nhác thế. Rồi Wildmer đến gặp chúng tôi, mặt mày nghiêm trọng. Cu cậu vẫn còn run. Người ta cũng hỏi cậu có phải là “nhà ngoại giao Đôminích” không, khi cậu triềng hộ chiếu ra và cậu không dám trả lời, sợ trong số cảnh sát vận thường phục và kiểm soát viên, ngộ nhỡ có tay chơi cá ngựa nào nhận ra cậu.

Đoàn tàu lướt qua một quang cảnh trắng xóa tuyết, cái quang cảnh ấy sao mà êm dịu và thân ái. Nhìn những ngôi nhà đang ngủ yên đó, tôi cảm thấy một niềm say sưa và tin cậy trước nay chưa từng thấy.

Khi chúng tôi đến Sallaches, trời hãy còn tối. Một chiếc xe car và một chiếc xe nhà lớn đỗ trước ga. Freddie, Wildmer và tôi mang các vali,trong khi hai gã đàn ông phụ trách cái hòm tủ của Gay Orlow. Có độ một chục hành khách, kể cả bọn tôi, sẽ lên xe car đi Megève, người tài xế và hai gã phu khuân vác đang chất các vali vào sau xe thì một người đàn ông tóc vàng rơm tiến lại gần Gay Orlow – vẫn là cái gã mà nàng đã nhận thấy ở ga Lyon hôm qua. Họ nói với nhau vài câu bằng tiếng Pháp. Về sau, nàng giải thích cho chúng tôi hay đó là một chỗ sơ giao, một gã người Nga tên là Kyril. Gã này chỉ chiếc xe nhà lớn màu đen có một người đang chờ ở tay lái và ngỏ ý muốn đưa chúng tôi về Megève. Nhưng Freddie từ chối lời mời ấy, nói là mình ưng đi xe car hơn.

Tuyết rơi. Chiếc xe car đi chậm và chiếc xe nhà màu đen đã vượt chúng tôi. Chúng tôi theo một con đường dốc và khung xe car mỗi lúc lại rung lên. Tôi không biết liệu xe có hỏng trước khi đến Megève. Quan trọng gì! Khi bóng đêm dần dà nhường chỗ cho một màn sương mù trắng như bông mà những đám lá bách phải khó khăn mới xuyên thủng, tôi tự nhủ rằng sẽ chẳng có ai đến tìm chúng tôi ở đây. Chúng tôi không có gì đe dọa. Dần dần chúng tôi trở nên ô hình. Ngay cả những bộ y phục tỉnh thành của chúng tôi vốn có thể thu hút sự chú ý – chiếc măngtô đỏ hoe của Wildmer và chiếc mũ dạ màu xanh nước biển của y, chiếc măngtô da báo của Gay, chiếc áo lông lạc đà của Freddie, chiếc khăn quàng màu xanh lục và đôi giày golf lớn hai màu đen, trắng của cậu ta – cũng hòa trong sương mù. Biết đâu, cuối cùng chúng tôi lại chẳng bay hơi đi hết? Hoặc giả chúng tôi sẽ chỉ còn là cái mạng hơi nước đọng lại trên những ô kính, cái mạng hơi nước dai dẳng không thể lấy tay xóa đi được. Làm sao người tài xế thấy ra được đường đi? Denise đã ngủ thiếp đi và ngả đầu lên vai tôi.

Chiếc xe car dừng lại giữa quảng trường, trước cửa tòa thị chính. Freddie thuê chất hành lý của chúng tôi lên một chiếc xe trượt tuyết đợi ở đây và chúng tôi đi uống chút gì ấm nóng trong một phòng trà – bánh ngọt ngay cạnh nhà thờ. Hiệu vừa mở cửa và bà chủ phục vụ chúng tôi có vẻ ngạc nhiên về sự có mặt sớm sủa thế của chúng tôi. Hoặc giả vì cái giọng lơ lớ của Gay Orlow và y phục tỉnh thành của chúng tôi? Wildmer ngỡ ngàng thích thú với mọi cái. Cu cậu chưa hề biết miền núi và những môn thể thao núi. Áp trán vào cửa kính, miệng há hốc, y ngắm đài kỷ niệm liệt sĩ và tòa thi chính Megève. Y hỏi bà chủ hệ thống chuyên chở bằng cáp treo vận hành như thế nào và liệu y có thể ghi tên vào một trường dạy trượt tuyết được không.

Ngôi nhà gỗ tên là “Thập Tự Phương Nam”. Rộng lớn, làm bằng gỗ sẫm màu, có những cánh cửa sổ xanh lá cây. Tôi chắc là Freddie thuê của một người bạn ở Paris. Nhà nhô cao trên một chỗ ngoặt đường và từ đường cái khó thấy được vì nó khuất sau một rặng bách. Từ đường cái, người ta đi vào theo một chữ chi. Cả con đường cái cũng dẫn lên một nơi nào đó, song tôi không tò mò muốn biết nó tới đâu. Phòng của Denise và tôi ở lầu một và từ cửa sổ, bên trên rặng bách, chúng tôi có thể nhìn bao quát cả vùng Megève. Những ngày đẹp trời, tôi nhận ra gác chuông nhà thờ, các vệt màu đất son tạo nên bởi một khách sạn dưới chân núi Đá Nâu, nhà ga đường bộ, sân trượt băng và nghĩa địa ở mãi tận phía cuối. Freddie và Gay Orlow chiếm một phòng ở dưới nhà, cạnh phòng nghỉ, và muốn tới phòng Wildmer, còn phải đi xuống một tầng nữa vì nó ở dưới hầm và các cửa sổ của nó – sát ngay mặt đất. Nhưng chính Wildmer chọn nơi nương náu ở đó – trong hang của mình, như y nói.

Thoạt đầu, chúng tôi không rời khỏi căn nhà gỗ. Chúng tôi chơi bài liên miên trong phòng nghỉ. Tôi còn nhớ khá cụ thể về gian phòng này. Một tấm thảm len. Một ghế dài bọc da trên đó chạy suốt một giá sách. Một bàn thấp. Hai cửa sổ trông ra ban công. Một người đàn bà ở gần đấy nhận đi mua giúp các thứ ở Megève. Denise đọc các cuốn tiểu thuyết trinh thám nàng tìm thấy trên giá sách Tôi cũng vậy. Freddie để râu mọc dài và mỗi lối, Gay Orlow nấu cho chúng tôi một món xúp bortsch Nga. Wildmer yêu cầu mang về điều đặn cho mình báo Paris-Sport (Paris Thể Thao) và trốn vào đáy “hang” của mình và đọc. Một buổi chiều, chúng tôi đang chơi bài bridge thì y xuất hiện, mặt mày nhăn nhó, tay vung tờ báo. Một người viết thời luận phát lại những sự kiện nổi bật trong lĩnh vực đua ngựa mười năm gần đây trong đó có nhắc đến: “Tai nạn li kì của tay jô-kề người Anh André Wildmer ở trường đua Auteuil nhỏ xíu, bé hơn cả một con tem. Và đó là điều làm y cuống cuồng lên: y sợ ai đó ở ga Sallanches hay ở Megève, trong hiệu bánh gần nhà thờ có thể nhận ra y.Sợ người đàn bà vẫn mang đồ ăn đến cho chúng tôi và lo phần nào công việc nội trợ, nhận ra y là “tay jô-kề người Anh André Wildmer”. Một tuần trước khi chúng tôi lên đường, y đã chẳng nhận được một cú điện thoại nặc danh gọi đến nhà y ở công viên Aliscamps đó sao? Một giọng nhỏ nhẹ đã nói với y: “Alô? Vẫn ở Paris đấy à, Wildmer?” Rồi phá lên cười rồi gác máy.

Tha hồ cho chúng tôi nhắc đi nhắc lại rằng y chẳng có gì phải sợ vì y là công dân Đôminích, y vẫn tỏ ra hết sức bồn chồn.

Một đêm, vào quãng ba giờ sáng, Freddie đập “hang” của Wildmer rất mạnh, miệng gào lên: “Chúng tôi biết anh ở đây, André Wildmer… Chúng tôi biết anh là jô-kề người Anh André Wildmer… Ra ngay…”

Wildmer không khoái cái trò đùa ấy và suốt hai ngày trời không thèm nói với Freddie. Thế rồi họ làm lành với nhau.

Trừ cái sự kiện vặt vãnh ấy, những ngày đầu ở căn nhà gỗ, mọi sự diễn ra hết sức bình lặng.

Nhưng dần dần, Freddie và Gay Orlow đâm chán cái đơn điệu trong cách dùng thì giờ của chúng tôi. Ngay cả Wildmer, tuy sợ bị nhận ra là “tay jôkề người Anh” cũng loanh quanh lẩn quẩn bứt rứt. Là một tay thể thao, y không có thói quen nằm khan. Freddie và Gay gặp gỡ “người nọ người kia” trong những cuộc dạo chơi ở Megève. Nhiều “người” hình như cũng đến đây lánh nạn như chúng tôi, họ tổ chức những cuộc “hội hè”. Chúng tôi nghe thuật lại qua Freddie, Gay Orlow và Wildmer, chẳng bao lâu ba người này cũng tham gia vào sinh hoạt ban đêm đó. Tôi thì cảnh giác dè chừng. Tôi ưng ở lại căn nhà gỗ với Denise hơn.

Tuy nhiên cũng có khi chúng tôi xuống làng. Chúng tôi rời căn nhà gỗ vào quãng mười giờ sáng và đi theo một con đường hai bên có những miếu thờ nhỏ. Đôi khi chúng tôi tạt vào một miếu và Denise thắp một ngọn nến. Một số miếu đóng cửa. Chúng tôi đi chậm để khỏi trượt chân trong tuyết.

Dưới nữa, một cây thập tự bằng đá sừng sững giữa một thứ bùng binh, khởi điểm của một con đường rất dốc. Trên một nửa đoạn đường này, người ta đã dặt những bậc gỗ, nhưng tuyết đã phủ lên tất cả. tôi đi trước Denise để có thể đỡ nàng nếu nàng trượt chân. Xuống hết đường là đến làng. Chúng tôi đi dọc phố chính cho đến quãng trường tòa thị chính và trước cửa khách sạn Mint-Blanc. Quá chút nữa, trên hè phải, sừng sững tòa nhà bê-tông xam xám của bưu điện. Tại đó, chúng tôi gửi mấy bức thư cho các bạn của Denise: Léon, Hélène, người đã cho chúng tôi mượn căn hộ ở phố Cambacarès… Tôi viết cho Rubirosa một bức thư ngắn báo cho anh ta biết chúng tôi đã tới nơi tới chốn nhờ những tấm hộ chiếu của anh ta và khuyên anh ta nên đến với chúng tôi vì lần cuối cùng gặp nhau ở công sứ quán, anh ta có bảo tôi là anh ta cũng có ý định “về nông thôn nương náu”. Tôi cho anh ta địa chỉ của chúng tôi.

Chúng tôi đi lên phía núi Đá Nâu. Từ khắp các khách sạn trên đường, túa ra những tốp trẻ em đi giữa những nữ huấn luyện viên mặc quần áo thể thao màu xanh nước biển. Các em mang trên vai những ván trượt tuyết, hoặc giày trượt băng. Quả vậy, từ mấy tháng nay, người ta đã trưng dụng các khách sạn ở nơi này để phục vụ những trẻ em nghèo nhất của thành phố lớn. Trước khi quay đằng sau, chúng tôi nhìn từ xa đám người chen chúc nhau ở cửa bán vé xe vận chuyển bằng cáp treo.

Phía trên căn nhà gỗ “Thập Tự Phương Nam”, nếu theo con đường dốc qua đám cây bách, ta sẽ tới một căn nhà gỗ rất thấp, có độc một tầng. Đó là chỗ ở của người đàn bà vẫn giúp chúng tôi đi lại mua hàng. Chồng bà có mấy con bò cái, ông là người bảo vệ căn nhà “Thập Tự Phương Nam” khi vắng chủ và trong nhà mình, ông đã bố trí một gian phòng lớn, kê bàn, đặt một quầy rượu và một bàn bi-a. Một buổi chiều, Denise và tôi lên nhà ông kiếm sữa. Ông ta không hòa nhã lắm với chúng tôi, nhưng Denise khi trông thấy bàn bi-a dã hỏi ông là nàng có được phép chơi không. Mới đầu ông có vẻ ngạc nhiên, rồi ông dịu đi. Ông bảo nàng khi nào thích thì cứ lên chơi.

Buổi tối, chúng tôi thường lên đó, sau khi Freddie, Gay Orlow và Wildmer bỏ chúng tôi để đi tham quan vào cuộc sống của Megève thời bấy giờ. Họ đề nghị chúng tôi đến tìm gặp họ ở “Ê kíp” hoặc ở một căn nhà gỗ nào đó để dự một cuộc hội giữa thân hữu, nhưng chúng tôi thích lên nhà trên hơn. Georges – đó là tên ông ta – và bà vợ chờ chúng tôi. Tôi cho rằng họ rất mến chúng tôi. Chúng tôi chơi bi-a với ông và hai, ba người bạn của ông. Denise là người chơi khá nhất. Tôi thấy lại hình ảnh nàng duyên dáng, tay cầm gậy bi-a, tôi thấy lại gương mặt dịu hiền đậm chất Á Đông của nàng, đôi mắt trong sáng, mái tóc màu hạt dẻ lóng loáng ánh đồng xõa xuống đến tận ngang hông… Nàng mặc một chiếc săng-đay cũ màu đỏ của Freddie cho mượn.

Chúng tôi nói chuyện rất khuya với Georges và vợ ông. Georges bảo chúng tôi là một ngày kia, chắc chắn sẽ có chuyện gay go và kiểm soát giấy tờ vì những người đến nghỉ ở Megève cứ tiệc tùng liên hoan, chuốc lấy sự chú ý vào mình. Chúng tôi thì không giống bọn họ. Trong trường hợp khó khăn, hai vợ chồng ông sẽ lo cho chúng tôi.

Denise tâm sự với tôi rằng Georges làm nàng nhớ đến ông thân sinh. Chúng tôi thường hay lấy củi nhóm một đống lửa. Giờ khắc trôi qua, êm đềm và nồng ấm, và chúng tôi cảm thấy như trong gia đình.

Đôi lúc, khi những người kia đi khỏi, chúng tôi còn lại một mình ở “Thập Tự Phương Nam. Căn nhà gỗ thuộc về chúng tôi. Tôi những muốn sống lại một số đêm trong vắt khi chúng tôi ngồi ngắm cảnh làng phía dưới in rõ nét trên nền tuyết và tưởng chừng như đó là một làng thu nhỏ lại, một thứ đồ chơi mà người ta bày ở tủ kính vào dịp lễ Giáng Sinh. Những đêm ấy mọi sự đều có vẻ đơn giản, làm ta yên tâm và chúng tôi mơ tới tương lai. Chúng tôi sẽ định cư ở đây, con cái chúng tôi sẽ đi học ở trường làng, mùa hè sẽ tới trong tiếng lục lạc của những đàn gia súc đi lang thang gặm cỏ… Chúng tôi sẽ sống một cuộc đời hạnh phúc, không có những bất ngờ.

Có những đêm khác, tuyết rơi và một cảm giác ngột ngạt chụp lấy tôi. Denise và tôi hẳn không bào giờ thoát ra khỏi. Chúng tôi bị cầm tù ở đáy cùng con thung này và tuyết sẽ dần dần chôn vùi chúng tôi. Chẳng có gì đáng nản hơn những dãy núi chắn ngang chân trời kia. Nỗi kinh hoàng xâm chiếm tôi. Tôi bèn mở cửa và chúng tôi ra ban công. Toi thở hít làn không khí lạnh thơm ngát mùi cây bách. Tôi không thấy sợ nữa. Trái lại, tôi cảm thấy một niềm thanh thoát, một nỗi buồn thanh tịnh tỏa ra từ cảnh vật. Còn chúng tôi bên trong đó thì sao? Vang âm của những cử chỉ và cuộc đời chúng tôi tôi thấy dường như nó bị nghẹt bởi cái đám bông đang rơi thành từng cục nhẹ lâng quanh chúng tôi, trên gác chuông nhà thờ, trên sân trượt băng và nghĩa địa, trên cái nét vạch sẫm hơn vẽ ngang bởi con đường xuyên ngang thung lung.

Thế rồi Gay Orlow và Freddie bắt đầu mời khách tới nhà vào buổi tối. Wildmer thôi không sợ bị nhận ra nữa và tỏ ra là một tay đầy trò vui nhộn rất xuất sắc. Thông thường, độ một chục người, nhiều khi hơn nữa, đến bất thần vào quãng nửa đêm và cuộc liên hoan khởi đầu ở một nhà gỗ khác lại tiếp tục rôm rả. Chúng tôi – Denise và tôi – né tránh họ nhưng Freddie yêu cầu chúng tôi ở lại một cách dễ thương đến nỗi đôi khi chúng tôi đành phải nghe theo.

Tôi hãy còn hình dung trong lờ mờ một số người. Một gã tóc nâu linh hoạt không ngừng đề nghị làm một ván pôcơ, gã đi lại di chuyển trong một chiếc xe mang số đăng ký ở Luuxembour; một gã “André-Kari” nào đó, tóc vàng rơm, mặc áo săng-đay đỏ, mặt sạm vì những cuộc thi trượt tuyết đường dài, một tay khác rất to con, mặc đồ nịt bằng nhung đen và trong ký ức tôi, anh ta không ngừng quay cuồng như một con ong đực… Những hoa khôi thể thao, trong đó, có một “Jacqueline” và một “Bà Campan”.

Có khi giữa tối vui, người ta đột nhiên thổi tắt đèn phòng khách, hoặc một cặp tách khỏi mọi người, vào một phòng riêng.

Cuối cùng, về cái tay”Kuril” mà Gay Orlow đã gặp ở Sallanches, người đã mời chúng tôi lên xe của mình. Một người Nga lấy một cô vợ Pháp rất xinh đẹp. Tôi đồ rằng hắn kinh doanh các hộp sơn và nhôm. Từ căn nhà gỗ của chúng tôi, hắn hay “phôn” về Paris và tôi thường nhắc đi nhắc lại với Freddie rằng những lần gọi điện thoại ấy có thể khiến chúng tôi bị chú ý, nhưng ở Freddie, cũng như ở Wilmer, mọi sự thận trọng đã biến đâu mất.

Chính “Kyril” và vợ hắn, một buổi tối, đã đưa Bob Beson và một gã “Oleg de Wredé” nào đó đến căn nhà gỗ, Beson là huấn luyện viên trượt tuyết và nhiều khách hàng của hắn là nhân vật nổi tiếng. Hắn thực hành môn nhảy cầu và nhiều lần hắn ngã nguy hiểm, đã làm mặt hắn chằng chịt những sẹo. Hắn đi hơi tập tễnh. Một con người nhỏ bé tóc nâu, gốc gác ở Megève. Hắn nghiện rượu, song điều đó không ngăn hắn trượt tuyết từ tám giờ sáng. Ngoài nghề huấn luyện viên, hắn giữ một chân trong sở tiếp tế và với danh nghĩa đó được sử dụng một ô tô, chiếc xe hòm đen mà tôi đã nhìn thấy khi chúng tôi tới Sallanches. Wrédé, một người Nga mà Gay Orlow đã gặp ở Paris, thường xuyên lưu trú ở Megève. Hình như hắn sống bằng mưu mẹo xoay sở, bằng việc mua đi bán lại lốp xe và những phụ tùng rời, vì hắn cũng hay “phôn” từ căn nhà gỗ về Paris và lần nào tôi cũng nghe thấy hắn gọi một địa điểm bí ẩn là “Xưởng sửa chữa xe Sao Chổi”.

Tại sao, buổi tối hôm đó, tôi lại bắt chuyện với Wrédé nhỉ? Có lẽ bởi tại hắn dễ chan hòa. Hắn có cái nhìn thẳng thắn và một vẻ hồn nhiên vui tươi. Một chuyện không đâu cũng làm hắn cười. Một thái độ chăm chút ân cần khiến hắn luôn luôn hỏi han “Ông có thấy dễ chịu không?” hoặc “Ông có muốn dùng một ly rượu không?”, nào là “Ông có thích ngồi cái trường kỹ này hơn là cái cái ghế tựa kia không?” hoặc “Đêm qua ông ngủ có ngon không?”… Một cung cách uống từng lời nói của anh, mắt tròn xoe, trán nhăn lại, như thể anh đang thốt ra những sấm truyền.

Hắn hiểu tình cảnh chúng tôi như thế nào và rất mau chóng hỏi tôi xem chúng tôi có muốn ở lại lâu “trong những dãy núi này” không. Thấy tôi trả lời rằng chúng tôi không có cách nào khác, hắn thì thầm tuyên bố với tôi rằng hắn biết có một cách bí mật vượt qua biên giới Thụy Sĩ. Chẳng biết điều đó có khiến tôi quan tâm hay không?

Tôi lưỡng lự một lát, rồi trả lời là có.

Hắn bảo tôi phải chi 60.000 Frăng mỗi người và Besson cũng can dự vào. Besson và hắn chịu trách nhiệm dẫn chúng tôi đến một điểm gần biên giới, ở đó một người đưa đường vượt biên dày dạn kinh nghiệm, bạn của chúng, sẽ thay phiên chúng. Bằng cách ấy, chúng đã đưa sang Thụy Sĩ cả chục người mà chúng kể tên ra. Tôi còn thì giờ để suy nghĩ. Hắn trở về Paris, nhưng tuần sau sẽ quay lại. Hắn cho tôi một số điện thoại ở Paris: Anteuil 54 – 73 để trong trường hợp tôi sớm quyết định, tôi có thể gọi hắn ở đó.

Tôi nói chuyện ấy với Gay Orlow, với Freddie và với Wildmer. Gay Orlow có vẻ ngạc nhiên là “Wrédé” lại lo chuyện vượt biên, nàng vốn chỉ nhìn hắn dưới dạng vẻ một thanh niên lông bông, sống lay lắt bằng buôn gian bán lận. Freddie cho rằng không cần rời khỏi nước Pháp vì chúng tôi đã có những tấm hộ chiếu Đôminich che chở. Còn Wildmer thì thấy Wrédé có một bộ mặt đĩ đực, nhưng cái chính là y không ưa Besson. Y khẳng định rằng những vết sẹo trên mặt Besson là giả, chính hắn tự vẽ lấy mỗi sáng bằng cách hóa trang. Kèn cựa tranh đua giữa hai nhà thể thao? Không, thật tình, y không thể chịu được Besson mà y gọi là “Các-tông bột đúc”. Denise thì thấy Wrédé “dễ có cảm tình”.

Chuyện được quyết định rất nhanh. Vì mưa tuyết. Từ một tuần nay, tuyết không ngừng rơi. Tôi lại có cảm giác ngạt thở như đã từng trải qua ở Paris.Tôi tự nhủ là nếu tôi ở lại đây lâu hơn, chúng tôi sẽ mắc vào bẫy. Tôi cắt nghĩa điều ấy cho Denise hiểu.

Tuần sau, Wrédé quay lại. Chúng tôi nhất trí và chúng tôi bàn việc vượt biên cùng với hắn và Besson. Chưa bao giờ tôi thấy Wrédé nhiệt tình như thế, đáng tin cậy như thế. Cái cách vỗ vai thân mật của hắn, đôi mắt trong sáng, hàm răng trắng, thái độ vồn vã của hắn, tất cả đều làm tôi ưa thích, mặc dù Gay Orlow thường cười bảo tôi là đối với bọn Nga và Ba Lan, cần phải đề phòng.

Từ rất sớm, sáng hôm ấy, chúng tôi đã đóng gói xong hành lý, Denise và tôi. Những người kia còn ngủ và chúng tôi không muốn đánh thức họ dậy. Tôi để lại mấy chữ cho Freddie.

Họ đợi chúng tôi ở ven đường, trong chiếc xe hòm đen của Besson, chiếc xe tôi đã thấy ở Sallanches. Wrédé cầm lái, Besson ngồi bên cạnh hắn. Tôi tự tay mở hòm xe để chất hành lý, rồi Denise và tôi ngồi ghế sau.

Suốt chặng đường, chúng tôi không nói gì. Wrédé có vẻ bồn chồn.

Tuyết rơi: Wrédé lái từ từ: Chúng tôi theo những đường núi. Cuộc hành trình kéo dài hai tiếng đồng hồ.

Chính vào lúc Wrédé dừng xe và hỏi tiền tôi, tôi có một linh cảm mơ hồ. Tôi đưa những xấp giấy bạc cho hắn. Hắn đếm. Rồi quay về phía chúng tôi, hắn mỉm cười với tôi. Hắn bảo bây giờ, vì lý do thận trọng, chúng tôi sẽ tách ra để vượt biên giới. Tôi sẽ đi với Besson, còn hắn đi cùng Denise và hành lý. Trong vòng một giờ, chúng tôi sẽ gặp lại nhau tại nhà các bạn hắn ở phía bên kia… Hắn mỉm cười. Một nụ cười kỳ dị mà tôi vẫn còn thấy lại trong mơ.

Tôi xuống xe với Besson. Denise lên ngồi trước, bên cạnh Wrédé. Tôi nhìn nàng và một lần nữa, linh cảm lại làm nhói tim tôi. Tôi muốn mở cửa xe và bảo nàng xuống để cùng đi cả hai. Nhưng tôi tự nhủ là mình bản tính quá đa nghi, hay tưởng tượng ra mọi chuyện. Denise thì có vẻ tin tưởng và trong tâm trạng vui tươi. Nàng giơ tay hôn gửi tôi.

Sáng hôm ấy, nàng mặc một chiếc măng-tô da lông chồn, một áo đen chui đầu Jacquard và một quần trượt tuyết của Freddie cho mượn. Nàng hai mươi sáu tuổi, tóc màu hạt dẻ, mắt xanh màu lá cây và cao 1,65m. Chúng tôi, chẳng có bao nhiêu hành lý: hai túi da và một vali nhỏ màu hạt dẻ thẫm.

Wrédé, miệng vẫn mỉm cười cho xe nổ máy. Tôi khoa tay làm hiệu với Denise đang cúi đầu qua cửa kính đã hạ xuống. Tôi nhìn theo chiếc xe xa dần. Đằng kia, nó chỉ còn là một chấm đen nhỏ xíu.

Tôi bắt đầu bước theo Besson. Tôi quan sát lưng hắn và những dấu chân hắn trong tuyết. Đột nhiên, hắn bảo tôi là hắn đi lên trước thám thính vì đã đến gần biên giới. Hắn đề nghị tôi chờ hắn.

Được độ mươi phút, tôi hiểu ra rằng hắn sẽ không quay lại. Tại sao tôi lại kéo cả Denise vào cái bẫy này? Tôi cố hết sức gạt cái ý nghĩ rằng Wrédé cũng sẽ bỏ mặt nàng và sẽ chẳng còn lại dấu tích gì của hai chúng tôi.

Tuyết vẫn rơi.Tôi tiếp tục bước, hoài công tìm một điềm mốc. Tôi cứ thế hàng giờ, hàng giờ liền. Rồi cuối cùng, tôi nằm gục trên tuyết. Khắp xung quanh tôi, chỉ còn toàn màu trắng.

XXXVIII

Tôi xuống tàu ở Sallanches. Trời nắng. Trên quãng trường nhà ga, một chiếc xe ca đợi khách, máy vẫn nổ. Chỉ có một chiếc tắc-xi, một chiếc loại DS 19, đổ dọc vỉa hè. Tôi leo vào xe.

- Đến Megève, tôi bảo tài xế.

Bác ta khởi động máy. Một người trạc lục tuần, tóc muối tiêu, mặc một chiếc áo vét canađiêng có cổ lông đã sờn. Bác ngậm một cái kẹo hoặc một viên bạc hà.

- Trời đẹp, hé? Bác nói với tôi.

- Ờ, phải…

Tôi nhìn qua kính cửa xe và cố nhận ra con đường chúng tôi đang theo, song không có tuyết, nó chẳng giống con đường ngày xưa một chút nào. Nắng trên hàng cây bách và trên những đồng cỏ, cái vòm do cây cối tạo nên bên trên con lộ, tất cả những màu xanh lục ấy làm tôi ngạc nhiên.

- Tôi không còn nhận ra quang cảnh nơi đây, tôi bảo bác tài.

- Ông đã từng đến đây?

- Vâng, lâu lắm rồi… và dưới mưa tuyết…

- Dưới lớp tuyết thì không còn y nguyên.

Bác lấy trong túi ra một hộp sắt tròn nhỏ, chìa cho tôi.

- Ông dùng một viên kẹo bạc hà Valda?

- Cảm ơn.

Bác cũng lấy một viên.

- Tôi thôi hút thuốc lá từ một tuần nay… Bác sĩ khuyên tôi ngậm viên Valde… Ông có hút thuốc không?

- Tôi cũng cai rồi… Này… Bác là người Megève?

- Vâng, thưa ông.

Tôi có quen mấy người ở Megève… Tối rất muốn biết giờ họ ra sao… Chẳng hạn, tôi quen một tay tên là Bob Besson…

Bác cho xe đi chậm lại và quay về phía tôi.

- Robert? Tay huấn luyện viên ấy à?

- Vâng.

Bác gật gật đầu.

- Trước tôi học cùng trường với y.

- Ông ta ra sao rồi?

- Chết ròi. Y nhảy cầu chết cách đây vài năm.

- À, thế đấy…

- Lẽ ra y đã có thể làm được điều gì tốt đẹp… Nhưng… Ông quen y?

- Sơ sơ thôi

- Robert từ hồi còn rất trẻ đã say sưa tự huyễn hoặc mình, vì các khách hàng của y.

Bác mở cái hộp cắt và nuốt một viên.

- Y đã chết ngay lập tức… sau cú nhảy…

Chiếc xe car theo sau chúng tôi, cách khoảng hai chục mét. Một chiếc xe car màu xanh da trời.

- Ông ta, dạo trước chơi rất thân với một người nga, phải không? Tôi hỏi.

- Một người Nga? Besson chơi thân với một người Nga?

Bác không hiểu tôi nói gì.

- Ông biết đấy, thực ra Besson chẳng phải là một tay hay ho lắm… Y có tâm địa xấu…

Tôi hiểu là bác sẽ không nói thêm gì nữa về Besson.

- Bác có biết một căn nhà gỗ ở Megève tên là “Thập Tự Phương Nam”?

- “Thập Tự Phương Nam”?... có khá nhiều nhà gỗ tên gọi như thế…

Bác lại chìa cho tôi hộp kẹo bạc hà. Tôi lấy một viên.

- Căn nhà ấy nhô ra trên một con đường, tôi nói.

- Đường nào?

Phải, đường nào? Con đường tôi thấy trong ký ức giống bất kỳ con đường núi nào? Làm sao tìm lại được nó? Và có lẽ căn nhà gỗ ấy cũng không còn nữa. Và ngay cả nếu nó vẫn còn…

Tôi cúi mình về phía bác tài. Cằm tôi chạm vào cái cổ lông thú chiếc áo vét canađiêng của bác.

- Đưa tôi trở lại ga Sallanches, tôi nói.

Bác quay hẳn người lại phía tôi. Bác có vẻ ngạc nhiên.

- Tùy ý ông thôi.

XXXIX

Đối tượng: HOWARD DE LUZ, Alfred Jean.

Sinh tại: Cảng Louis (đảo Maurice) ngày 30 tháng 7 năm 1912, con ông HOWARD DE LUZ, Joseph Simety và bà Louise, họ cha là FOUQUEREAUX.

Quốc tịch: Anh (và Mỹ)

Ông Howard de Luz đã lần lượt ở.

Lâu đài Saint-Lazare ở Valbreuse (Orme).

23 phố Raynouard, Paris (Q.16).

Khách sạn Chateaubriand, 18 phố Xiếc, Paris (Q.8)

56 phố Montaigne, Paris (Q.8)

25 đại lộ Thống chế Lyautey, Paris (Q.16)

Ông Howard de Luz, Alfred Jean, không có nghề nghiệp nhất định ở Paris.

Nghe nói từ 1934 đến 1939, ông chuyên tìm kiếm và mua các đồ gỗ cho một ngoại kiều Hy Lạp ở Pháp tên là Kimmy Sttern và nhân dịp đó, đã làm một chuyến đi dài sang Mĩ, quê của bà nội ông ta.

Hình như ông Howard de Luz, tuy thuộc một gia đình Pháp ở đảo Maurice, đã được hưởng hai quốc tịch Anh và Mỹ.

Năm 1950, ông Howard de Luz đã rời Pháp sang định cư ở Polynésie, đảo Padipi, gần Bora Bora (quần đảo Xã hội).

Kèm theo tấm phích này là mẫu thư sau đây: “Bạn thân mến, xin bạn thứ lỗi về việc tôi chậm truyền đạt những thông tin mà chúng tôi nắm được về ông Howard de Luz vốn là ngoại kiều Anh (hoặc Mỹ), không để lại mấy dấu tích ở sở chúng tôi:

“Gửi bạn và Hutte lời chào thân ái.

“J.P. Bernady”

XL

Ông Hutte thân yêu, tuần tới tôi sẽ rời Paris đến một đảo Thái Bình Dương, nơi tôi có chút cơ may tìm một người có thể cho tôi biết về những gì đã từng là cuộc đời trước kia của tôi. Hình như đó là một người bạn thời trẻ.

Cho đến nay, mọi sự đối với tôi có vẻ rất hỗn độn, rất lụn vụn… Những mảnh rời, những mẩu nhỏ của một cái gì chợt trở lại trong trí tôi trong quá trình tìm kiếm… Nhưng xét cho cùng, có lẽ một đời người là thế.

Có đúng là đời tôi không hay là đời người khác mà tôi đã lẻn vào?

Từ nơi kia, tôi sẽ viết thư về cho ông.

Tôi hy vọng mọi sự đều ổn với ông ở Nice và ông dành được cái chân thủ thư mà ông khao khát ở cái nơi gợi nhớ thời thơ ấu của ông.

XLI

Autauil 54-73, XƯỞNG SỬA CHỮA XE HƠI SAO CHỔI – 5 phố Foucault; Paris 16.

XLII

Một con phố đâm ra bến tàu, trước những khu vườn Trocadéro, và tôi có cảm giác phố này đã là nơi trú ngụ của Waldo Blunt, người nghệ sĩ dương cầm Mĩ mà tôi đã theo về tận nhà và là người chồng đầu tiên của Gay Orlow.

Xưởng sửa chữa xe hơi đã đóng cửa từ lâu, nếu căn cứ vào cánh cửa sắt lớn chét gỉ. Phía trên cửa, trên mảng tường xám, mặc dầu những chữ cái xanh lơ đã nhòa một nửa, ta vẫn còn đọc được: XƯỞNG SỬA CHỮA XE HƠI SAO CHỔI.

Trên lầu một, phía tay phải, một cửa sổ rủ mành màu hồng. Cửa sổ một phòng ngủ? một văn phòng? Gã người Nga có ở trong đó không, khi tôi từ Megève gọi điện thoại về số AUTeuil 54 – 73? Hắn tiến hành những hoạt động gì ở Xưởng sửa chữa xe hơi Sao Chổi? Làm sao biết được? Mọi sự đều có vẻ quá xa xăm trước ngôi nhà bỏ hoang này…

Tôi quay trở lui và đứng lại một lúc trên bến tàu. Tôi nhìn xe cộ lao vun vút và những ánh đèn bên kia sông Seine gần Quãng Trường Tháng Ba. Một cái gì của đời tôi có lẽ còn sót lại ở đó, trong một căn hộ nhỏ bên ria những khu vườn, một người đã từng biết tôi và còn nhớ tôi.

XLIII

Một người dàn bà đứng ở một cửa sổ một tầng trệt, góc phố Rude và phố Sàigòn, có nắng và trẻ còn chơi bóng trên vỉa hè, cách đó một chút. Người ta không ngừng nghe thấy bọn trẻ kêu “Pedro” vì có một đứa tên như thế và những đứa khác vừa gọi nó vừa tiếp tục chơi. Và cái tiếng “Pedro” ấy, gào bằng những giọng lạnh lanh, vang lên một cách kỳ lạ trong con phố.

Từ cửa sổ mình, bà không nom thấy bọn trẻ, Pedro. Bà đã từng biết một người có mang cái tên đó, cách đây lâu rồi. Bà cố nhớ xem đó là vào thời kỳ nào, trong khi vẳng đến tai bà những tiếng la, tiếng cười, tiếng bình bịch của những trái bóng đập vào tường. Ờ phải. Đó là vào hồi bà làm Mannocanh ở tiệm may của Alex Maguy. Bà đã gặp một cô nàng Denise nào đó, tóc vàng, mặt hơi có vẻ Á Đông, cũng làm công việc khâu may. Hai người lập tức có thiện cảm với nhau.

Cô Denise này sống với một người đàn ông tên là Pedro. Chắc hẳn là một người Nam Mỹ. Thật vậy, bà nhớ ra rằng tay Pedro này làm việc ở một sứ quán. Một gã cao lớn tóc nâu mà bà có thể hình dung lại diện mạo khá rõ nét. Bây giờ gặp, bà vẫn còn có thể nhận ra, nhưng chắc y đã già đi nhiều.

Một buổi tối, cả hai người đã đến đây, tại nhà bà, phố Sài gòn. Bà đã mời mấy người bạn đến ăn tối. Tay diễn viên Nhật Bản cùng cô vợ có bộ tóc vàng san hô ở ngay gần đây, phố Chalgrin, Ecelyne, kèm thao một chàng trai xanh xao, một người khác bà quên mất tên và Jean-Claude, anh chàng Bỉ đang tán bà… Bữa ăn tối rất vui. Bà nghĩ rằng Pedro và Denise thật đẹp đôi.

Một đứa trẻ đã bắt trái bóng bổng, thì vào người và xoạc dài cẳng tách khỏi bọn kia. Bà trông thấy chúng chạy qua trước cửa sổ. Thằng bé ôm bóng hổn hển lao ra đại lộ Đại quân. Nó băng qua đường, trái bóng vẫn ghì vào người. Tụi kia không dám theo và đứng im nhìn nó chạy trên vỉa hè đối diện. Nó đẩy bóng bằng chân. Ánh nắng làm nước mạ crôm của những chiếc xe đạp lấp lánh trong mắt kính của cửa hàng bán xe đạp nối tiếp nhau dọc đại lộ.

Nó đã quên bọn kia. Nó chạy một mình với trái bóng và rẽ tay phải vào phố Anabole Lò Rèn, chân vẫn rê bóng.

XLIV

Tôi áp trán vào cửa sổ khoang tàu. Hai người đàn ông vừa đi bách bộ trên boong vừa chuyện gẫu, ánh trăng nhuộm da mặt họ một màu tro. Cuối cùng họ đứng dựa khuỷu lên lan can thành tàu.

Tôi không ngủ được, mặc dầu biển lặng sóng. Tôi giở ảnh của tất cả chúng tôi, lần lượt xem từng cái một, của Denise, của Freddie, của Gay Orlow và chừng nào con tàu tiếp tục cuộc hành trình, chúng tôi càng mất dần tính thực tại. Đã có bao giờ chúng từng tồn tại? Tôi chợt nhớ lại những gì người ta nói với tôi về những hoạt động của Freddie ở Mỹ. Cậu ta đã từng là “người tâm sự của John Gilbert”. Và những từ đó gợi cho tôi những hình ảnh: hai người đàn ông bước đi cánh sát cánh trong khu vườn bỏ hoang của một biệt thự, dọc theo một sân quần vợt phủ đầy lá chết và cành gẫy, người cao lớn hơn – Freddie – cúi về phía người kia đang rủ rỉ nói và chắc chắn là John Gilbert.

Lúc sau, tôi nghe thấy tiếng xô đẩy, những tiếng cười nói trong những lối đi dọc mạn tàu. Người ta tranh nhau một cái t’rompét để thổi những phách đầu của bài bên cạnh người đẹp tóc vàng của tôi. Cửa cabin bên cạnh tôi sập đóng. Có nhiều người ở trong đó. Lại những nhịp cười giòn tan, tiếng ly cốc chạm nhau lanh tanh, những tiếng thở gấp gáp, một tiếng rên khe khẽ và kéo dài…

Có ai lảng vảng dọc các lối đi mạn tàu, vừa lắc một cái chuông nhỏ, vừa nhắc đi nhắc lại bằng một giọng lảnh lót của lễ sinh rằng chúng ta đã qua bên kia Xích đạo.

XLV

Đằng kia, những đèn hiệu đỏ chạy dài thành hàng, thoạt đầu, người ta tưởng như chúng bồng bềnh trôi trên bờ biển. Người ta lờ mờ hình dung một trái núi bằng lụa xanh sẫm. Nước bằng lặng sau khi qua những đá ngầm.

Chúng tôi vào vùng Papeete.

XLVI

Người ta giới thiệu tôi đến một tay Fribourg nào đó. Ông ta ở Bora Bora từ ba mươi năm nay và quay những phim tài liệu về các đảo trên Thái Bình Dương mà ông ta thường có thói quen giới thiệu ở rạp Pleyel, Paris. Đó là một trong những người biết châu Úc rành nhất.

Thậm chí tôi không cần đưa cho ông xem ảnh Freddie. Ông đã gặp Freddie nhiều lần khi ông ghé đảo Padipi. Ông mô tả Freddie như một người cao gần hai mét, không bao giờ rời đảo của mình, hoặc nếu có thì chỉ một mình trên con thuyền hai buồm dọc, làm những chuyến đi dài qua các đảo san hô vòng Touamotou và thậm chí đến tận quần đảo Marquises.

Fribourg đề nghị đưa tôi đến Padipi. Chúng tôi xuống một thứ tàu đánh cá. Đi cùng chúng tôi, có một gã Maori to béo không rời Fribourg nửa bước. tôi chắc họ sống chung với nhau. Một cặp kì dị: một con người nhỏ bé có dáng dấp hướng đạo sinh trưởng ngày xưa, mạc một chiếc quần golf sờn và sơ-mi cộc tay, đeo kính gọng sắc và một gã Maori to béo da đỏ au màu đồng. Gã này mặc một cái quần xà lỏn và một áo chẽn vải bông màu xanh da trời. trong chuyến đi, gã kể cho tôi nghe bằng giọng nhọ nhẹ rằng hồi thiếu niên gã đã chơi bóng đá với Alain Gerbault.

XLVII

Trên đảo, chúng tôi theo một lối đi phủ cỏ, hai bên trồng dừa xa kê. Đôi chỗ, một bức tường trắng cao ngang hông đánh dấu giới hạn của một khu vườn ở giữa một ngôi nhà – đều một kiểu như nhau với một hàng hiên và một mái tôn sơn xanh.

Chúng tôi đâm ra một cánh đồng cỏ lớn xung quanh rào đầy kẽm gai. Bên tay trái, một dãy láng hàng trong đó có một nhà hai tầng quét vôi màu be phơn phớt hồng. Fribourg giải thích cho tôi đó là một sân bay cũ do Mỹ xây dựng trong chiến tranh Thái Bình Dương và đó chính là nơi Freddie ở.

Chúng tôi vào ngôi nhà hai tầng. Ở tầng dưới, một căn phòng với một giường, một cái màn, một bàn giấy và một ghế bành mây. Một cửa dẫn vào một buồng tắm thô sơ.

Ở tầng một và tầng hai, các gian phòng đều rỗng không, các cửa sổ khuyết nhiều ô kính. Một vài đóng vôi gạch vụn giữa các hành lang. trên một bức tường, còn treo một bản đồ quân sự khu Nam Thái Bình Dương.

Chúng tôi trở lại căn phòng chắc là của Freddie. Những chú chim lông nâu lẻn vào qua cửa sổ hé và đậu thành hàng quan sát trên giường, trên bàn giấy và trên giá sách gần cửa. Chúng đến mỗi lúc một đông. Fribourg bảo tôi đó là giống chim két đảo Moluques, chúng gặm tất cả mọi thứ, giấy, gỗ, thậm chí cả tường nhà…

Một người đàn ông bước vào phòng. Bác ta mặc quần xà lỏn và râu bạc trắng. Bác ta nói gì với gã Maori to béo đi theo Fribourg như cái bóng và gã vừa dịch vừa khẽ núng nính thân mình. Cách đây khoảng hai mươi lăm ngày, chiếc thuyền hai buồm dọc mà Freddie định dùng để làm một chuyến đi đến tận đảo Marquises đã quay về vướng vào đá ngầm san hô của đảo và không thấy có Freddie trên thuyền.

Bác ta hỏi chúng tôi có muốn xem qua con thuyền không và dẫn chúng tôi đến bờ con hồ mặn. Thuyền nằm đó, cột buồm gẫy và hai bên sườn có cột những lốp xe vận tải để bảo vệ.

Fribourg tuyên bố là ngay sau khi trở về, chúng tôi sẽ yêu cầu tiến hành tìm kiếm. Gã Maori to béo mặc áo chén màu xanh nhạt nói với ông già kia bằng một giọng rất cao. Tưởng như gã kêu lên những tiếng nho nhỏ. Chẳng mấy chốc, tôi chẳng buồn mảy may chú ý đến họ nữa.

Tôi không biết mình đã ở lại bao lâu bên bờ hồ. Tôi nghĩ đến Freddie. Không, chắc chắn y không mất tích ngoài biển. Hẳn là y đã quyết định cắt nốt những ràng buộc thế tục cuối cùng và trốn biệt trên một đảo san hô nào đó. Cuối cùng, rồi tôi cũng sẽ tìm thấy y. Vả lại, tôi còn phải thử một bước tiến hành tối hậu: đến cái địa chỉ cũ của tôi ở Rome, Phố Những Cửa Hiệu U Tối, số nhà 2.

Chiều xuống, con hồ tắt dần theo chừng với màu xanh lục của nó tiêu. Trên mặt nước, vẫn còn lởn vởn những bóng xam xám hoa cà, thành một hiện tượng lân quang lờ mờ.